

Quốc hội thống nhất, bảo vệ tổ quốc, đổi mới và hội nhập // Hoàng Lan, Phương Liên, Hoàng Trung // <https://danchuphapluat.vn>. - 2025. - Ngày 8 tháng 10.

Quốc hội khóa V (1975 - 1976) - nhiệm kỳ ngắn nhất trong lịch sử Quốc hội Việt Nam – là nhiệm kỳ khởi đầu của kỷ nguyên đất nước thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội. Từ kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất tại Hội trường Thống Nhất đến Hội trường Diên Hồng hôm nay, Quốc hội Việt Nam đã đi qua nửa thế kỷ kiến thiết, đổi mới và hội nhập. Trong dòng chảy lịch sử, Quốc hội luôn bền bỉ trên hành trình vì Nhân dân, khẳng định vai trò là trung tâm quyền lực của Nhân dân, không ngừng hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực lập hiến, lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước.

Từ Hội trường Thống Nhất năm 1976 đến Diên Hồng hôm nay

Tháng 7 năm 1976, giữa không khí rộn ràng sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất diễn ra tại Hội trường Thống Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh. Để thể hiện tính liên tục của Nhà nước qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng, Quốc hội quy định Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất là Quốc hội khóa VI. Quốc hội quyết định đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quy định Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc huy mang dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Quốc ca là bài “Tiến quân ca”.

Nếu giai đoạn 1946 - 1975 là hành trình “xây nền trong khói lửa”, thì giai đoạn 1975 đến nay là hành trình “kiến thiết thể chế, củng cố nền dân chủ nhân dân và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”.

Lập hiến - Từ Hiến pháp 1980 đến Hiến pháp 2013: Ba mốc lập hiến cho ba thời kỳ phát triển

Hiến pháp 1980 - Hiến định cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên của dân tộc Việt Nam thống nhất

Năm 1980, Quốc hội khóa VI thông qua bản Hiến pháp mới, khẳng định Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hiến pháp năm 1980 là dấu mốc của thời kỳ thống nhất, phản ánh khát vọng xây dựng đất nước trên cơ sở công hữu, quản lý tập trung và vai trò lãnh đạo của Đảng được thể chế hóa.

Sau khi lấy ý kiến, thảo luận trong cán bộ và Nhân dân với gần 20 triệu lượt người thuộc mọi thành phần đã tích cực hưởng ứng tham gia thảo luận. Ngày

18/12/1980, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa VI, Hiến pháp năm 1980 được biểu quyết thông qua. Tính “Nhân dân” được thể hiện rõ nét qua vai trò của Quốc hội. Theo Hiến pháp năm 1980, Quốc hội – cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – có mối quan hệ chi phối tuyệt đối đối với các cơ quan khác trong bộ máy Nhà nước. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, các Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và các thành viên do Quốc hội bầu, chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Quốc hội.

Hiến pháp năm 1992 - Cột mốc lập hiến của thời kỳ Đổi mới

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng năm 1986 - khởi đầu công cuộc Đổi mới, Quốc hội bước vào thời kỳ thể chế hóa đường lối phát triển kinh tế thị trường, hội nhập định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hiến pháp năm 1992 đánh dấu sự chuyển biến quan trọng: thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích đầu tư tư nhân và bảo vệ quyền sở hữu cá nhân. Việc lấy ý kiến của đông đảo Nhân dân và cán bộ vào dự thảo Hiến pháp được thực hiện với tinh thần nghiêm túc, dân chủ, thể hiện ý thức trách nhiệm cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Hiến pháp năm 1992 khẳng định: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.

Hiến pháp năm 2013 - Bước tiến thể chế hóa Nhà nước pháp quyền và quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Ngày 28/11/2013, Quốc hội khóa XIII thông qua Hiến pháp năm 2013, được xem là bản Hiến pháp của thời kỳ hội nhập và phát triển toàn diện.

Hiến pháp năm 2013 gồm 11 chương, 120 điều, với nhiều điểm mới: Khẳng định Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa “của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”; mở rộng quyền con người, quyền công dân; phân định rõ hơn chức năng giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát; Quy định cơ chế giám sát quyền lực và trách nhiệm giải trình.

Điểm mới căn bản của Hiến pháp năm 2013 khi quy định đầy đủ hơn về chủ quyền Nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên nhiều phương diện. Cụ thể, trong xây dựng và bảo vệ Hiến pháp, trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những quy định đó đã khẳng định nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân. Nhiệm vụ của Nhà

nước phải bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Lập pháp - 50 năm chuyển mình: Từ hành chính hóa đến chuyên nghiệp hóa

Nếu lập hiến là nền móng thì lập pháp là công cụ để cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng và ý chí Nhân dân. Giai đoạn từ năm 1975 đến nay, chứng kiến xu hướng phát triển của hoạt động lập pháp về số lượng, chất lượng, quy trình và tính công khai, minh bạch, dân chủ ngày càng được nâng cao qua mỗi nhiệm kỳ.

Từ số liệu thống kê - bức tranh lập pháp 1976 - 2025

Nhiệm kỳ Quốc hội	Số luật, bộ luật, pháp lệnh được thông qua	Các lĩnh vực nổi bật	Đặc điểm chính
Khóa VI (1976-1981)	1 luật, 02 pháp lệnh	Tổ chức bộ máy, thống nhất pháp luật	Hợp nhất pháp luật hai miền
Khóa VII (1981-1987)	25 (10 đạo luật; 15 pháp lệnh)	Kinh tế – hành chính – quốc phòng	Chuẩn bị cho đổi mới
Khóa VIII (1987-1992)	66 (2 bộ luật, 25 đạo luật và 39 pháp lệnh)	Kinh tế, doanh nghiệp, hôn nhân	Giai đoạn đầu Đổi mới
Khóa IX (1992-1997)	79 (36 luật, bộ luật và 43 pháp lệnh)	Đầu tư, dân sự, ngân sách	Thế chế hóa Hiến pháp 1992
Khóa X (1997-2002)	71 (32 luật và bộ luật, 39 pháp lệnh)	Doanh nghiệp, phòng chống tham nhũng	Đa dạng hóa lĩnh vực lập pháp
Khóa XI (2002-2007)	70 (44 văn bản luật và 26 pháp lệnh)	Giáo dục, bảo hiểm, đất đai	Đẩy mạnh xã hội hóa
Khóa XII (2007-2011)	74 (60 luật, 14 pháp lệnh)	Tư pháp, hình sự, hành chính	Cải cách tư pháp, hội nhập WTO

Khóa XIII (2011-2016)	110 (100 bộ luật, luật và 10 pháp lệnh)	Hiến pháp 2013, dân chủ cơ sở	Tăng cường minh bạch
Khóa XIV (2016-2021)	74 (72 luật và 02 pháp lệnh)	Kinh tế số, an ninh mạng, đầu tư công	Ứng dụng công nghệ, hội nhập quốc tế
Khóa XV (2021-nay)	Hơn 100 luật và pháp lệnh	Chuyển đổi số, năng lượng, phòng chống tham nhũng	Lập pháp số hóa, linh hoạt

Từ hành chính hóa đến chuyên nghiệp hóa lập pháp

Quản lý xã hội bằng pháp luật trở thành nhu cầu tất yếu của đời sống xã hội hiện đại, một thách thức trong tiến trình đổi mới và hội nhập. Chính vì vậy, giai đoạn đầu sau thống nhất, công tác lập pháp mang nặng tính hành chính, tập trung ban hành văn bản tổ chức, quản lý nhà nước. Nhưng từ Quốc hội khóa VIII, lập pháp chuyển sang mô hình chuyên nghiệp hóa, các Ủy ban của Quốc hội đóng vai trò thẩm tra, góp phần nâng cao hiệu quả phản biện và đánh giá tác động.

Hoạt động lập pháp của Quốc hội có sự chuyển biến mạnh mẽ sau khi Quốc hội khóa IX thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996, đánh dấu bước phát triển trong quy trình lập pháp. Đặc biệt, từ Quốc hội khóa XIII, hoạt động lập pháp ứng dụng công nghệ thông tin sâu rộng: dự thảo luật được công khai trực tuyến, thu nhận ý kiến Nhân dân và chuyên gia qua nền tảng điện tử. Công nghệ số đã biến quy trình lập pháp từ khép kín thành minh bạch, nghị trường từ nơi bàn giấy thành nơi đối thoại chính sách.

Quyết định các vấn đề trọng đại: Quốc hội trong vai trò hoạch định chiến lược quốc gia

Từ cơ chế tập trung sang quyết sách dựa trên bằng chứng

Trước Đổi mới, Quốc hội thực hiện chức năng quyết định chủ yếu thông qua việc phê chuẩn kế hoạch 05 năm, ngân sách, nhân sự cấp cao. Sau năm 1986, Quốc hội trở thành cơ quan quyết định chính sách quốc gia trên cơ sở phân tích dữ liệu và phản biện chính sách. Quốc hội đã thông qua nhiều chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từ 1981 đến 2025; phê chuẩn hàng trăm dự án đầu tư trọng điểm quốc gia, bao gồm các công trình biểu tượng như Nhà máy Thủy điện Sơn La, Cảng hàng

không quốc tế Long Thành, đường cao tốc Bắc - Nam; thảo luận và phê duyệt ngân sách trung bình hàng triệu tỷ đồng/năm trong các khóa gần đây.

Công tác hội nhập đã được Quốc hội quan tâm thiết lập ngay từ nhiệm kỳ đầu tiên khi đất nước thống nhất. Từ khi là thành viên của IPU (tháng 4/1979), Quốc hội Việt Nam luôn là thành viên tích cực và có trách nhiệm. Việc tham dự các hoạt động của IPU là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong các hoạt động ngoại giao nghị viện đa phương của Quốc hội, nhằm thúc đẩy và bảo vệ các lợi ích của Việt Nam.

Quốc hội và quyền nhân sự, bảo đảm cơ chế kiểm soát quyền lực

Từ khi được thành lập, Quốc hội luôn giữ vai trò then chốt trong công tác nhân sự cấp cao. Theo Hiến pháp năm 2013, Quốc hội có thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao và phê chuẩn kết quả bổ nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng. Cơ chế giám sát quyền lực thông qua công tác nhân sự gắn với việc lấy phiếu tín nhiệm được áp dụng từ năm 2013, là bước tiến quan trọng trong kiểm soát quyền lực.

Đến năm 2023, Quốc hội đã tiến hành 05 lần lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm cá nhân. Đây là hình thức để Nhân dân thông qua Quốc hội thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Nhà nước theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Giám sát tối cao: Từ hình thức đến hiệu quả, từ cơ chế đến văn hóa trách nhiệm

Giám sát chuyên đề, công cụ mạnh để phòng ngừa sai phạm

Hoạt động giám sát chuyên đề có nhiều đổi mới, tập trung vào những vấn đề lớn, “nóng” được cử tri đặc biệt quan tâm, ngày càng khẳng định là hình thức giám sát thiết thực, có hiệu quả rõ nét, được dư luận, cử tri đồng tình và đánh giá cao. Nội dung giám sát vừa bao quát, toàn diện các ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội; vừa có trọng tâm, trọng điểm và bám sát yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Phương thức giám sát được tiến hành khoa học, chuyên nghiệp, ngày càng đi vào chiều sâu và thực chất hơn. Khâu hậu giám sát được chú trọng và đẩy mạnh tại nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV, góp phần nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội.

Chất vấn và trả lời chất vấn - Bản lĩnh nghị trường

Chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, thể hiện tinh thần trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, của Chính phủ và của các chủ thể có trách nhiệm trả lời chất vấn trước Nhân dân. Từ năm 1994, các phiên chất vấn tại các Kỳ họp Quốc hội được phát thanh và truyền hình trực tiếp, công khai, cởi mở, qua đó làm rõ hơn trách nhiệm của người bị chất vấn. Trung bình mỗi kỳ họp có 03 - 04 phiên chất vấn, kéo dài 02 - 03 ngày. Mỗi phiên có khoảng 300 - 400 câu hỏi, gần 60 lượt tranh luận. Từ năm 2018, Quốc hội thực hiện hình thức chất vấn “truy vấn nhanh, trả lời ngắn” để tăng tính tương tác.

Những chuyển biến chiến lược: Quốc hội chuyên nghiệp - Đại biểu chuyên sâu - Nghị trường mở

Một bước tiến trong hành trình xây dựng Quốc hội vì Nhân dân, năm 2008, Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội (nay là Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội) được thành lập, là đầu mối tiếp nhận ý kiến cử tri. Thiết chế này được thành lập thể hiện đúng tinh thần: “Quốc hội lắng nghe, phản ánh và bảo vệ quyền lợi của Nhân dân”.

Trên cả phương diện lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao, có thể tổng kết 05 xu hướng chuyển biến nổi bật của Quốc hội Việt Nam từ 1975 đến nay:

Xu hướng	Đặc điểm nổi bật	Tác động
Chuyên nghiệp hóa đại biểu	Tăng tỷ lệ đại biểu chuyên trách từ ~15% (khóa IX) lên ~40% (khóa XV); đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn	Nâng cao chất lượng thảo luận, lập pháp và giám sát
Công khai hóa thông tin	Truyền hình trực tiếp các kỳ họp, công khai dự thảo luật, thu thập ý kiến nhân dân	Tăng tính minh bạch, củng cố niềm tin xã hội
Số hóa quy trình làm luật	Áp dụng e-Parliament, hồ sơ điện tử, thu thập ý kiến trực tuyến	Tăng hiệu quả, tiết kiệm chi phí, rút ngắn thời gian soạn thảo và thẩm tra
Hội nhập quốc tế và ngoại giao nghị viện	Tăng cường tham gia IPU, AIPA, APF; đối thoại nghị viện song phương và đa phương	Nâng cao vị thế Quốc hội và Việt Nam trên trường quốc tế; học hỏi kinh nghiệm lập pháp
Tăng cường giám sát quyền lực hành pháp	Đổi mới hình thức giám sát; áp dụng giám sát hậu kiến nghị và lấy phiếu tín nhiệm	Tăng trách nhiệm giải trình của cơ quan hành pháp

Con đường 50 năm Quốc hội vì Nhân dân trong thời đại mới

Từ hội trường Thống nhất năm 1976 đến Hội trường Diên Hồng năm 2025, Quốc hội Việt Nam đã trải qua nửa thế kỷ của thống nhất, đổi mới và hội nhập. Quốc hội hôm nay là sự kết tinh của 80 năm thể chế, 50 năm đổi mới và hàng triệu lá phiếu của Nhân dân.

Nửa thế kỷ trôi qua từ ngày đất nước thống nhất, tiếng hát: “Vì Nhân dân, chiến đấu không ngừng...” đã vang lên trong mỗi kỳ họp để khẳng định con đường đi của Quốc hội Việt Nam. Con đường ấy, 80 năm qua, vẫn chỉ có một đích đến duy nhất: Quốc hội vì Nhân dân - nơi ý chí Nhân dân trở thành pháp luật, nơi tiếng nói Nhân dân trở thành hành động của Nhà nước.